|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/QĐ-UBND | *Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024* |

**QUYẾT ĐỊNH
Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (không bao gồm xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế) trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Thực hiện ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại tại Kết luận số 150-KL/TU ngày 03/7/2024; ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Văn bản số 376/HĐND-HĐ4 ngày 30/7/2024;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1951/TTr-STC ngày 10/5/2024 và Văn bản số 3573/STC-GCS&TCDN ngày 15/8/2024 (kèm Báo cáo thẩm định số 721/BC-STP ngày 19/4/2024 của Sở Tư pháp); ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh tại phiên họp ngày 20/8/2024 (tại Thông báo số 391/TB-UBND ngày 20/8/2024 của UBND tỉnh).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (không bao gồm xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế) trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 16 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (sau đây gọi là Nghị định số 72/2023/NĐ-CP), bao gồm:

a) Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe chở tiền, vàng bạc, đá quý; xe trang bị phòng thí nghiệm, xe cần cẩu, xe thu gom, ép rác, xe chở rác, chất thải...).

b) Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với xe) hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh; xe phát thanh truyền hình lưu động; xe thanh tra giao thông; xe phục vụ tang lễ; xe giám sát hải quan; xe đào tạo, tập lái, sát hạch xe ô tô, xe hộ tống tiền,...).

c) Xe ô tô tải.

d) Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi.

2. Những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh đoàn Hà Tĩnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh.

2. Quyết định này không áp dụng đối với đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị thuộc Trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

**Điều 3. Nguyên tắc trang bị, chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng**

1. Nguyên tắc trang bị xe ô tô chuyên dùng:

a) Đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng.

b) Số lượng xe ô tô chuyên dùng được quy định tại Quyết định này là mức tối đa. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ được giao và nguồn kinh phí thực hiện mua sắm, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, mua sắm xem xét, quyết định số lượng và mức giá mua xe phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ được trang bị hoặc thực hiện mua sắm mới xe ô tô chuyên dùng còn thiếu so với số lượng quy định hoặc để thay thế xe ô tô chuyên dùng đã được thanh lý nhưng không được vượt quá số lượng và phải đúng với chủng loại được quy định tại Quyết định này.

c) Việc thực hiện mua sắm xe ô tô chuyên dùng phải tuân thủ theo các trình tự, thủ tục quy định của pháp luật; chỉ được mua sắm khi đã được bố trí trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải phù hợp với tiêu chuẩn, định mức được quy định tại Quyết định này.

d) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị hiện có số lượng xe ô tô chuyên dùng vượt định mức thì phải điều chuyển sang cho cơ quan, đơn vị khác còn thiếu so với định mức nhưng phải đúng với chủng loại xe ô tô chuyên dùng được quy định tại Quyết định này. Việc điều chuyển xe ô tô chuyên dùng thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị xe ô tô chuyên dùng phải lập hồ sơ kê khai tài sản, đăng ký quyền quản lý, sử dụng tài sản, báo cáo Sở Tài chính (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã) để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định.

b) Xe ô tô chuyên dùng được thanh lý khi đáp ứng một trong các điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP. Việc thanh lý xe ô tô chuyên dùng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Chi phí sử dụng xe ô tô chuyên dùng được tổ chức hạch toán và công khai theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng, giá mua xe ô tô chuyên dùng**

1. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (không bao gồm xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế) trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Giá mua xe ô tô chuyên dùng được xác định phù hợp với giá mua trên thị trường tại thời điểm mua sắm của chủng loại xe ô tô chuyên dùng tương ứng cần mua sắm và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này, tình trạng hiện có và nhu cầu cần thiết trang bị xe ô tô chuyên dùng, các cơ quan, tổ chức, đơn vị lập kế hoạch và dự toán kinh phí mua sắm, tổng hợp trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan; chủ động bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ chính sách cho các lái xe theo quy định, phối hợp Sở Nội vụ để giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định tiêu chuẩn, định mức khi mua sắm, điều chuyển, thu hồi, thanh lý xe ô tô chuyên dùng; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn việc trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan Kho bạc Nhà nước các cấp có trách nhiệm phối hợp quản lý, thực hiện kiểm soát chi theo quy định của pháp luật.

4. Sở Nội vụ hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ lái xe khi xử lý xe ô tô dôi dư và xử lý các khó khăn, vướng mắc có liên quan theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung định mức, các cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy chế làm việc của Tỉnh uỷ và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 9 năm 2024.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định: số 36/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh; số 52/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 6;- Bộ Tài chính;- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Ủy ban MTTQ tỉnh;- Kho bạc Nhà nước tỉnh;- Các Sở: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp;- Các Phó CVP UBND tỉnh;- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;- Cổng TTĐT tỉnh;- Lưu: VT, TH5. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂNKT. CHỦ TỊCHPHÓ CHỦ TỊCH****Trần Báu Hà** |

**Phụ lục
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG (KHÔNG BAO GỒM XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG TRONG LĨNH VỰC Y TẾ) TRANG BỊ CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH HÀ TĨNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

| **STT** | **Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng** | **Định mức** | **Mục đích sử dụng chuyên dùng** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng** | **Chủng loại** |
| **I** | **CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH** |  |  |  |
| **1** | **Văn phòng UBND tỉnh** | **1** |  |  |
| 1.1 | Văn phòng UBND tỉnh | 1 | Xe ô tô trên 16 chỗ | Đưa đón các đoàn khách, đoàn công tác trong và ngoài nước |
| **2** | **Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh** | **1** |  |   |
| 2.1 | Văn phòng đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh | 1 | Xe ô tô trên 16 chỗ | Đưa đón các đoàn khách, đoàn công tác trong và ngoài nước |
| **3** | **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** | **5** |  |  |
| 3.1 | Hạt Kiểm lâm huyện Hương Khê | 1 | Xe ô tô tải có cẩu tự hành | Xử lý, vận chuyển lâm sản, tang vật tịch thu; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và cứu hộ, cứu nạn |
| 3.2 | Hạt Kiểm lâm huyện Hương Sơn | 1 | Xe ô tô tải có cẩu tự hành | Xử lý, vận chuyển lâm sản, tang vật tịch thu; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và cứu hộ, cứu nạn |
| 3.3 | Vườn Quốc gia Vũ Quang | 1 | Xe ô tô tải có gắn cần cẩu | Xử lý, vận chuyển lâm sản, tang vật tịch thu; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và cứu hộ, cứu nạn |
| 3.4 | Ban Quản lý các cảng cá, bến cá | 1 | Xe ô tô tải có gắn cần cẩu | Phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn |
| 1 | Xe ô tô tải | Vận chuyển xử lý rác thải |
| **4** | **Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch** | **4** |  |  |
| 4.2 | Trung tâm Văn hoá - Điện ảnh tỉnh | 1 | Xe ô tô 16 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng | Xe gắn thiết bị phóng thanh lưu động và chở tuyên truyên viên, thiết bị âm thanh, ánh sáng thực hiện tuyên truyền lưu động theo Thông tư số 20/2014/TT-BVHTTDL ngày 09/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định hoạt động của Đội Tuyên truyền lưu động cấp tỉnh, cấp huyện  |
| 4.3 | Nhà hát Nghệ thuật truyền thống | 1 | Xe ô tô trên 16 chỗ | Chở cán bộ, diễn viên, kỹ thuật, Đội tuyên tuyền lưu động  |
| 4.4 | Thư viện tỉnh Hà Tĩnh | 1 | Xe ô tô tải thư viện lưu động | Xe thư viện đa phương tiện phục vụ cộng đồng dân cư, các xã vùng sâu, vùng xa (Xe ô tô tải gắn thêm thùng và thiết bị) |
| 4.5 | Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT | 1 | Xe ô tô trên 16 chỗ | Chở huấn luyện viên, vận động viên  |
| **5** | **Sở Khoa học và Công nghệ** | **3** |  |  |
| 5.1 | Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng | 1 | Xe ô tô tải | Phục vụ vận chuyển chuẩn kiểm định cân ô tô, cân trạm trộn  |
| 5.2 | Trung tâm Nghiên cứu, phát triển nấm và Tài nguyên sinh vật | 1 | Xe ô tô tải | Phục vụ công tác tập huấn, chở nguyên vật liệu, vật mẫu, triển khai nhiệm vụ  |
| 5.3 | Trung tâm Ứng dụng KHCN và đổi mới sáng tạo | 1 | Xe ô tô tải | Phục vụ vận chuyển các loại vật tư thiết bị kỹ thuật xây dựng các mô hình KHCN, các loại chế phẩm sinh học cho các địa phương xử lý môi trường phụ phẩm nông nghiệp, rác thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi... gắn với nông nghiệp tuần hoàn và thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM  |
| **6** | **Sở Tư pháp**  | **1** |  |  |
| 6.1 | Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh | 1 | Xe ô tô trên 16 chỗ | Phục vụ công tác truyềnthông về trợ giúp pháp lý |
| **7** | **Sở Tài nguyên và Môi trường** | **1** |  |  |
| 7.1 | Trung Tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường | 1 | Xe ô tôtrang bị phòng thí nghiệm | Phục vụ quan trắc, phân tích các thành phần môi trường trực tiếp tại hiện trường, xử lý ứng phó sự cố môi trường. |
| **8** | **Sở Giao thông vận tải** | **3** |  |  |
| 8.1 | Thanh tra Sở Giao thông vận tải | 2 | Xe ô tô bán tải có dấu hiệu nhận biết | Phục vụ công tác thanh tra giao thông vận tải (có dấu hiệu nhận biết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Thông tư số 52/2015/TT-BGTVT ngày 24/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải) |
| 8.2 | Thanh tra Sở Giao thông vận tải | 1 | Xe ô tô trên 16 chỗ | Phục vụ công tác thanh tra giao thông vận tải (vận chuyển các trang thiết bị bộ cân, bộ cân xách tay và cán bộ thực hiện nhiệm vụ vận hành cân, kiểm tra, xử lý vi phạm) |
| **9** | **Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh** | **1** |  |  |
| 9.1 | Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Cung ứng dịch vụ | 1 | Xe ô tô tải có cẩu tự hành |  Phục vụ công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các tuyến đường bộ và các công trình kết cấu hạ tầng trong địa bàn các Khu kinh tế, Khu công nghiệp |
| **10** | **Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh** | **3** |  |  |
| 10.1 | Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh | 2 | Xe truyền hình lưu động | Xe được lắp đặt các thiết bị chuyên dùng phục vụ các chương trình truyền hình trực tiếp |
| 10.2 | Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh | 1 | Xe ô tô tải | Chuyên chở thiết bị cẩu và phụ trợ phục vụ các chương trình truyền hình trực tiếp |
| **11** | **Trường Đại học Hà Tĩnh** | **1** |  |  |
| 11.1 | Trường Đại học Hà Tĩnh | 1 | Xe ô tô trên 16 chỗ | Chuyên chở học sinh, sinh viên, cán bộ, giảng viên đi thực tập, nghiên cứu thực tế |
| **12** | **Trường Chính trị Trần Phú** | **1** |  |  |
| 12.1 | Trường Chính trị Trần Phú | 1 | Xe ô tô trên 16 chỗ | Chuyên chở cán bộ, giảng viên, học viên đi nghiên cứu thực tế |
| **13** | **Trường Cao đẳng Y tế** | **1** |  |  |
| 13.1 | Trường Cao đẳng Y tế | 1 | Xe ô tô trên 16 chỗ | Chuyên chở cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên đi thực tập, nghiên cứu thực tế |
| **14** | **Trường Cao đẳng Nguyễn Du** | **1** |  |  |
| 14.1 | Trường Cao đẳng Nguyễn Du | 1 | Xe ô tô trên 16 chỗ | Chuyên chở cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên đi thực tập, nghiên cứu thực tế |
| **B** | **CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ** |  |  |  |
| **1** | **UBND thành phố Hà Tĩnh** | **20** |  |  |
| 1.1 | Ban Dịch vụ tang lễ và Quản lý nghĩa trang thành phố Hà Tĩnh | 1 | Xe ô tô tải | Xe phục vụ tang lễ |
| 1 | Xe ô tô tang lễ | Xe phục vụ tang lễ |
| 1.2 | Ban Quản lý Dịch vụ công ích và trật tự đô thị thành phố Hà Tĩnh | 2 | Xe ô tô tải | Phục vụ công tác đảm bảo trật tự đô thị |
| 1 | Xe ô tô tải gắn cẩu tự hành | Phục vụ công tác đảm bảo trật tự đô thị và dịch vụ công ích |
| 1.3 | UBND các phường, xã | 15 | Xe ô tô tải | Phục vụ công tác đảm bảo trật tự đô thị, hỗ trợ phòng, chống thiên tai và các nhiệm vụ khác trên địa bàn (Tối đa 01 xe/01 đơn vị phường, xã) |
| **2** | **UBND thị xã Hồng Lĩnh** | **7** |  |  |
| 2.1 | Đội Quản lý trật tự đô thị thị xã Hồng Lĩnh | 1 | Xe ô tô tải | Phục vụ công tác đảm bảo trật tự đô thị |
| 2.2 | Trung tâm Y tế thị xã Hồng Lĩnh | 1 | Xe chở rác | Phục vụ công tác vận chuyển rác thải y tế |
| 2.3 | UBND các phường, xã | 5 | Xe ô tô tải | Phục vụ công tác đảm bảo trật tự đô thị, hỗ trợ phòng, chống thiên tai và các nhiệm vụ khác trên địa bàn (Tối đa 01 xe/01 đơn vị phường, xã) |
| **3** | **UBND thị xã Kỳ Anh** | **3** |  |  |
| 3.1 | Trung tâm Dịch vụ hạ tầng và môi trường đô thị thị xã Kỳ Anh | 1 | Xe ô tô tưới nước | Tưới nước rửa đường, tưới cây |
| 3.2 | Trung tâm Dịch vụ hạ tầng và môi trường đô thị thị xã Kỳ Anh | 1 | Xe ô tô tải | Hỗ trợ sữa chữa, duy tu đường |
| 3.3 | Trung tâm Dịch vụ hạ tầng và môi trường đô thị thị xã Kỳ Anh | 1 | Xe ô tô tải gắn cẩu tự hành | Cắt cây, sửa chữa điện chiếu sáng |
| **4** | **UBND huyện Hương Sơn** | **1** |  |  |
| 4.1 | Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn | 1 | Xe chở rác | Phục vụ công tác vận chuyển rác thải |
| **5** | **UBND huyện Nghi Xuân** | **6** |  |  |
| 5.1 | Ban quản lý dịch vụ công ích và các điểm du lịch | 1 | Xe ô tô tải gắn cẩu tự hành | Phục vụ vận chuyển, bốc xếp nâng hạ và di chuyển hàng hóa |
| 1 | Xe ép rác | Phục vụ công tác thu gom rác thải |
| 1 | Xe ô tô tải | Phục vụ tuần tra công tác trật tự đô thị |
| 1 | Xe quét đường | Phục vụ công tác vệ sinh các tuyến đường |
| 1 | Xe hút chất thải | Phục vụ công tác hút chất thải, cống thoát nước |
| 1 | Xe bồn tưới cây | Phục vụ công tác tuới tiêu cây xanh, đường phố |
| **6** | **UBND huyện Lộc Hà** | **1** |  |  |
| 6.1 | Ban Quản lý cụm công nghiệp huyện Lộc Hà | 1 | Xe chở rác | Phục vụ công tác vận chuyển rác thải |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**